LUYỆN TỪ VÀ CÂU

(1 tiết)

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Ôn về từ chỉ đặc điểm : tìm được các từ chỉ đặc điểm ; vận dụng hiểu biết về từ chỉ đặc điểm, xác định đúng phương diện so sánh trong phép so sánh.

2. Tiếp tục ôn kiểu câu *Ai thế nào ?*: tìm đúng bộ phận trong câu trả lời câu hỏi *Ai (con gì, cái gì) ?* và *Thế nào ?*.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

– Bảng lớp viết những câu thơ ở BT1 ; 3 câu văn ở BT3.

– Một tờ giấy khổ to viết bảng ở BT2 (xem mẫu ở phần lời giải BT2).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

A - KIỂM TRA BÀI CŨ

GV mời 1 HS làm lại BT2, 1 HS làm lại BT3 (tiết LTVC (tuần 13). Cũng có thể ra bài tập tương tự để kiểm tra HS nắm kiến thức về từ địa phương, củng cố cách dùng dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

B - DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

a) *Bài tập 1*

– Một HS đọc nội dung bài tập.

– Một HS đọc lại 6 dòng thơ trong bài *Vẽ quê hương* (đã học ở tuần 11).

– Giúp HS hiểu thế nào là các từ chỉ đặc điểm. GV hỏi :

+ *Tre và lúa ở dòng thơ 2 có đặc điểm gì ? (xanh).* GV gạch dưới các từ *xanh* (trong *tre <u>xanh</u>, lúa <u>xanh</u>* viết trên bảng lớp).

+ *Sông máng ở dòng thơ 3 và 4 có đặc điểm gì ? (xanh mát).* GV gạch dưới từ *xanh mát*.

– Tương tự, GV yêu cầu HS tìm các từ chỉ đặc điểm của các sự vật tiếp theo : *trời mây, mùa thu*. HS phát biểu ý kiến, GV gạch dưới các từ *bát ngát* (chỉ đặc điểm của bầu trời) ; *xanh ngắt* (chỉ màu sắc của bầu trời mùa thu).

– Một HS nhắc lại các từ chỉ đặc điểm của từng sự vật trong đoạn thơ.

– GV : Các từ *xanh, xanh mát, bát ngát, xanh ngắt* là các từ chỉ đặc điểm của tre, lúa, sông máng, trời mây, mùa thu. Giống như *thơm* là đặc điểm của hoa, *ngọt* là đặc điểm của đường.

– HS làm bài vào vở hoặc VBT.

(Lời giải : *Tre xanh, lúa xanh*
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát
Trời mây bát ngát
Xanh ngắt mùa thu.)

b) *Bài tập 2*

– HS đọc yêu cầu của BT.

– GV hướng dẫn HS hiểu cách làm bài : Các em phải đọc lần lượt từng dòng, từng câu thơ, tìm xem trong mỗi dòng, mỗi câu thơ, tác giả muốn so sánh các sự vật với nhau về những đặc điểm gì ?

– Một HS đọc câu a : *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*. GV hỏi :

+ *Tác giả so sánh những sự vật nào với nhau ?* (So sánh tiếng suối với tiếng hát)

+ *Tiếng suối và tiếng hát được so sánh với nhau về đặc điểm gì ?* (Đặc điểm *trong* → *Tiếng suối trong như tiếng hát xa)*

– Tương tự, HS sẽ suy nghĩ, làm bài b, c, d.

– HS phát biểu ý kiến, GV treo tờ phiếu đã kẻ bảng, điền nội dung vào bảng để chốt lại lời giải đúng.

– HS làm bài vào vở (hoặc VBT) theo lời giải đúng :

Sự vật A	***So sánh về đặc điểm gì ?***	***Sự vật B***
a) *Tiếng suối*	***trong***	*tiếng hát*
b) *Ông* *Bà*	***hiền*** ***hiền***	*hạt gạo* *suối trong*
c) *Giọt nước (cam Xã Đoài*	***vàng***	*mật ong*

c) *Bài tập 3*

– Cả lớp đọc thầm yêu cầu của bài.

– Một HS nói cách hiểu của mình : Cả 3 câu văn trong BT đều viết theo mẫu : *Ai (cái gì, con gì) ? – thế nào ?* Nhiệm vụ của HS là tìm đúng bộ phận chính trong mỗi câu trả lời câu hỏi : *Ai (cái gì, con gì) ?*, và bộ phận trả lời *Thế nào ?*

– HS làm bài cá nhân vào nháp (hoặc VBT).

– HS phát biểu ý kiến. GV gạch 1 gạch dưới bộ phận câu trả lời câu hỏi *Ai (con gì, cái gì) ?*, gạch 2 gạch dưới bộ phận câu trả lời câu hỏi *Thế nào ?*

– HS làm bài vào vở hoặc sửa bài trên VBT theo lời giải đúng :

Câu	***Ai (cái gì, con gì)***	***thế nào ?***
Anh Kim Đồng rất nhanh trí và dũng cảm.	*Anh Kim Đồng*	*rất nhanh trí và dũng cảm.*
Những hạt sương sớm long lanh như những bóng đèn pha lê.	*Những hạt sương sớm*	*long lanh như những bóng đèn pha lê.*
Chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ đông nghịt người.	*Chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ*	*đông nghịt người.*

3. Củng cố, dặn dò

GV yêu cầu HS về nhà xem lại các bài tập, HTL các câu thơ có hình ảnh so sánh đẹp ở BT2.